TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05/03/2021
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Sửu - Cán bộ hưu.
Ông Nguyễn Xuân Chuyển - Cán bộ hưu.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 05/03/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 147/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/11/2020 về việc " ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** anh Phan Duy K – sinh năm 1982
Địa chỉ: thôn L, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn**: Chị Đào Thị H – sinh năm 1988. Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: thôn L, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện đi nước ngoài không rõ địa chỉ. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Phan Duy K trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Anh kết hôn với chị Đào Thị H trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/10/2011 tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sống với nhau đến năm 2014 do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh K cho chị H đi sang Đảo Síp làm việc. Nhưng nay xét thấy vợ chồng mâu

thuẫn, hai vợ chồng không thể tiếp tục sống với nhau được nữa. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đào Thị H.

- Về con chung: anh K và chị H có 01 con chung là cháu Phan Ngọc C – sinh ngày 10/7/2012. anh K đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi con chung không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, công nợ chung: anh K trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Bị đơn là chị Đào Thị H hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với chị Đào Thị H.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua mẹ đẻ chị H là bà Hà Thị L – sinh năm 1965. Địa chỉ: thôn C, xã P, huyện LNgạn, tỉnh Bắc Giang, bà L có quan điểm trình bày như sau:

- Tôi là mẹ đẻ của chị H có địa chỉ như trên. Hiện nay con tôi đang đi lao động tại đảo Síp không có mặt tại địa phương, nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình tôi thông qua mạng xã hội. Về địa chỉ mà con tôi ở bên nước ngoài thì tôi không rõ, không biết địa chỉ cụ thể chỉ biết là cháu đang lao động ở đảo Síp. Tòa án yêu cầu gia đình tôi thông báo để chị H gửi quan điểm về thì chúng tôi từ chối thực hiện vì con tôi ở bên nước ngoài đi lại khó khăn và do dịch bệnh.

- Về việc anh K xin ly hôn thì con tôi có trao đổi về với gia đình là:

+ Về quan hệ hôn nhân: Con tôi là H đồng ý ly hôn với anh Phạm Duy K. Con tôi đi nước ngoài khoảng năm 2014, về mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh K thì gia đình chúng tôi đã hòa giải nhưng không thành.

+ Về con chung: anh K và chị H có 01 con chung là cháu Phan Ngọc C – sinh ngày 10/7/2012. anh K đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi con chung không yêu cầu chị H cấp dưỡng thì con tôi không đồng ý vì hiện nay cháu vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình, vẫn gửi tiền về chu cấp cho con. Khi chị H đi nước ngoài thì cả anh K và chị H đều đồng ý đem con lên nhà tôi để cho tôi chăm sóc nuôi dưỡng, gia đình tôi nuôi cháu C từ năm 2014 đến nay. Trước đó thì anh K ít quan tâm đến con cái, dạo gần đây mới thấy anh K qua lại thăm con nhiều hơn. Hiện nay cháu C cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là chị H và gia đình tôi nên tôi đề nghị Tòa án giao con chung cho chị H nuôi dưỡng.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Phan Duy K xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, giải quyết nuôi con chung. Chị Đào Thị H vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho anh Phan Duy K được ly hôn chị Đào Thị H. Về con chung: anh K yêu cầu giao con chung là Phan Ngọc C, sinh ngày 10/7/2012 cho anh nuôi dưỡng, chị H có quan điểm không đồng ý. Do chị H đang ở nước ngoài không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được nên để đảm bảo quyền lợi của con chung, căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là cháu Phan Ngọc C – sinh ngày 10/7/2012 cho anh Phan Duy K trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Phan Duy K không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung, công nợ: anh K trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc anh Phan Duy K phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Phan Duy K là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với chị Đào Thị H. Bị đơn chị Đào Thị H là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 1143/QLXNC-P5 ngày 19027 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị Đào Thị H đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 10/7/2014, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của chị H. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh Phan Duy K vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Đào Thị H vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp chị Đào Thị H cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã

niêm yết tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Đào Thị H theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Phan Duy K, chị Đào Thị H .

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. anh Phan Duy K kết hôn với chị Đào Thị H trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/10/2011 tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sống với nhau đến năm 2014 do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh K cho chị H đi sang Đảo Síp làm việc. Nhưng nay xét thấy vợ chồng mâu thuẫn, hai vợ chồng không thể tiếp tục sống với nhau được nữa. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đào Thị H

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của anh Phan Duy K và chị Đào Thị H là hợp pháp. Hiện nay anh Phan Duy K và chị Đào Thị H mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả anh Phan Duy K và chị Đào Thị H đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Phan Duy K và chị Đào Thị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Phan Duy K được ly hôn chị Đào Thị H .

[4]. Về con chung:

[4.1]. anh Phan Duy K và chị Đào Thị H có 01 con chung là cháu Phan Ngọc C – sinh ngày 10/7/2012. Khi ly hôn anh Phan Duy K có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4.2]. HĐXX thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án chị H không có mặt tại gia đình mà đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Do đó chị H không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được. Mặc dù hiện nay con chung đang ở với bố mẹ chị H, cháu C trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ và ông bà ngoại khi bố mẹ ly hôn. Nhưng anh K không đồng ý để con chung ở với gia đình chị H nữa. Để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung là Phan Ngọc C – sinh ngày 10/7/2012 cho anh Phan Duy K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Đào Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Phan Duy K không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp chị Đào Thị H về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Phan Duy K phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Phan Duy K được ly hôn chị Đào Thị H.

2. Về con chung: giao con chung là Phan Ngọc C – sinh ngày 10/7/2012 cho anh Phan Duy K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Đào Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Phan Duy K không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp chị Đào Thị H về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: anh Phan Duy K phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000737 ngày 10/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Phan Duy K đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Đào Thị H hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- anh Phan Duy K cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã Bảo Đài, huyện Lục Nam;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Ong Thân Thắng